TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HSST
Ngày 15-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Khoe

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị H – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Kim Thoa – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 37/2018/HSST ngày 19 tháng 02 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST- HS ngày 01 tháng 3 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn X, sinh ngày 05-5-1978 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: số A, đường B, phường C, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1948; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Nhài L, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện trú tại: số A, đường B, phường C, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Hoàng T, sinh năm 1980; địa chỉ: số E, đường G, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

2. Bà Bùi Thị Thu H, sinh năm 1978; địa chỉ: số E, đường G, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Nhài L, sinh năm 1984; địa chỉ: số A, đường B, phường C, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền lo công việc làm ăn kinh doanh nên Nguyễn Văn X liên hệ với ông Vũ Hoàng T và bà Bùi Thị Thu H (HKTT: số E, đường G, phường D, thành phố T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) cho X vay mượn tiền bằng hình thức cầm cố tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của X số BN648834 với số tiền 3 tỷ đồng, thời gian cầm cố là hai tháng, lãi suất 1,8%/tháng. Ông T, bà H đồng ý nhưng yêu cầu X phải làm hợp đồng chuyển nhượng nhà đất theo GCNQSDĐ số BN648834. Do tài sản trên có đất và nhà vợ chồng X đang sử dụng để ở, lo sợ ông T, bà H làm mất hoặc lấy mất tài sản của mình nên X nghĩ cách lên mạng tìm thông tin về các đối tượng làm giả giấy tờ và liên hệ vào một số điện thoại thông qua Zalo (X không nhớ số điện thoại). X đặt đối tượng này làm giả một GCNQSDĐ giống giấy số BN648834 với giá 5.000.000 đồng (X mua 10 card điện thoại mệnh giá 500.000 đồng rồi nhắn tin mã nạp thẻ vào Zalo cho đối tượng). Sau khi làm xong đối tượng gửi chuyển phát nhanh đến nhà của X ở số A, đường B, phường C, thành phố T.

Sau đó, đến ngày 14-5-2018 Nguyễn Văn X cùng vợ là Nguyễn Thị Nhài L cầm GCNQSDĐ số BN648834 giả trên đến Văn phòng Công chứng P tại số K đường I, phường S, thành phố T làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Vũ Hoàng T và bà Bùi Thị Thu H với giá trị chuyển nhượng hợp đồng là 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại Văn phòng công chứng, công chứng viên Đặng Tuấn P phát hiện GCNQSDĐ số BN648834 là giả đã tố giác nên giao dịch chuyển nhượng tài sản, vay mượn tiền của X với ông T, bà H không thực hiện được.

Tại bản kết luận giám định số 352/PC54-Đ3 ngày 22-6-2018 của Phòng PC54 Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận "Chữ ký mang tên Trương Văn T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Trương Văn T trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra" và "Hình dấu tròn trên tài liệu ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 đóng ra. Được làm giả bằng phương pháp in phun màu".

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN648834 (giả) do Nguyễn Văn X tự nguyện giao nộp. Cơ quan điều tra chuyển theo hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Đối với Nguyễn Thị Nhài L, do không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN648834 mà X sử dụng là giả nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý hình sự.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 11-12-2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố Nguyễn Văn X về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm i, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng; Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BN648834 trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Do cần tiền để làm ăn kinh doanh nên Nguyễn Văn X đã thỏa thuận vay tiền của vợ chồng ông Vũ Hoàng T, bà Bùi Thị Thu H nhưng với điều kiện phải thế chấp tài sản. Do vậy, vào ngày 14-5-2018 tại Văn phòng công chứng Văn phòng Công chứng P tại số K đường I, phường S, thành phố T, Nguyễn Văn X đã có hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T, bà H để bảo đảm cho khoản vay nợ nhưng đã bị công chứng viên phát hiện và ngăn chặn. Như vậy, hành vi bị cáo Nguyễn Văn X đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi của bị cáo: Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội không thuộc các trường hợp là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại về mặt vật chất; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên xem xét xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục bị cáo.

[5] Liên quan đến vụ án này còn có đối tượng đã nhận làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN648834 rồi giao lại cho X, kết quả điều tra đến nay chưa xác định được nhân thân, lý lịch nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

[6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án:

01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BN648834 tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[8] Về án phí : Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức";

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 341; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015; phạt tiền 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng) đối với Nguyễn Văn X để sung quỹ nhà nước. Nguyễn Văn X có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 07 (bảy) tháng, mỗi tháng phải nộp số tiền 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số BN648834.

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Thi hành án dân sự thành phố T;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố T;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.